

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1990; ĐKKHKT và trú tại: Xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1990; ĐKKHKT và trú tại: Xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đỗ Văn T và chị Trần Thị T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con cái: Giao chị Trần Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đỗ Tuấn K sinh ngày 07/11/2013 và cháu Đỗ Tuấn T2 sinh ngày 07/12/2019 đến khi con chung thành niên. Anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả hai con cho chị T1 là 3.000.000đ/ tháng (Ba triệu đồng). Cụ

thể cháu Đỗ Tuấn K1.500.000đ/tháng, cháu Đỗ Tuấn T2 1.500.000đ/ tháng kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung thành niên. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn T nộp toàn bộ án phí khi ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 4414 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh